

CHAPTER 04B

HƯỚNG DẪN NGỮ PHÁP

MỤC LỤC・目次

MỤC LỤC・目次	1
CHÚ THÍCH	2

CÔNG
HƯNG

HOÀNG
DŨNG

THANH
ĐẢM

THANH
HIỆP

CAO
DUY

HỮU
ĐỨC

TUẤN
KIỆT

QUỐC
CÔNG

LÂM
HƯNG

ANH
TUẤN

HỮU
THÀNH

MINH
TRUNG

QUỐC
VƯƠNG

facebook.com/hackuan

CHÚ THÍCH



Công thức, cách kết hợp



Ghi chú



Nhắc lại kiến thức cũ.



So sánh cách dùng với những mẫu câu gần nghĩa.



Mở rộng thêm ngoài kiến thức chính.



GIỚI THIỆU TÍNH TỪ



[CHỦ TỪ] は [TÍNH TỪ] です。

#01 例

このねこは かわいいです。

Con mèo này thì dễ thương. [với かわいい là một tính từ]



GIỚI THIỆU CỤM TÍNH TỪ



[CHỦ TỪ] は [DANH TỪ] が [TÍNH TỪ] です。

#02 例

さくら公園^{こうえん}は緑^{みどり}が多い^{おお}です。

Công viên Sakura thì nhiều cây xanh.



PHÂN LOẠI TÍNH TỪ

Có 2 loại tính từ là tính từ na (ナ A), tính từ i (イ A) [việc kí hiệu không làm ảnh hưởng vai trò của nó].

Tính từ い là những tính từ tận cùng đúng bằng chữ い, như いい (tốt, hay), おおきい (to lớn), あたらしい (mới),... Những tính từ không tận cùng bằng い thì gọi là tính từ な.



Có 3 tính từ な đặc biệt, là:

ゆうめい (nổi tiếng), きれい (đẹp), きれい (ghét, gặp lại từ này ở chapter 5)

Việc phân loại tính từ có ảnh hưởng đến một số công thức nhất định cho chương này (chia phủ định, bỏ nghĩa cho danh từ) và các công thức khác ở các chương sau.

B.1



例

私の^{まち}町はにぎやかです。

Thành phố của tôi thì nhộn nhịp.



PHỦ ĐỊNH TÍNH TỪ



Để chia được phủ định, cần phân biệt đâu là tính từ i, đâu là tính từ na. Đặc biệt, với tính từ いい, phủ định sẽ là よくない。

B.2

例
1

A: Bさんの^{まち}町は大きいですか。

⊙ B: はい、大きいです。

⊗ B: いいえ、大きくないです。
Không, không to.

例
2

A: Bさんの^{まち}町はにぎやかですか。

⊙ B: はい、にぎやかです。

⊗ B: いいえ、にぎやかじゃありません。
Không, không nhộn nhịp.



BỔ NGHĨA BẰNG TÍNH TỪ

Đặt tính từ trước một danh từ sẽ làm danh từ đó “màu mè” hơn về nghĩa.



Cái thu được vẫn là một danh từ.

Ta có tính từ い sẽ đi trực tiếp, còn tính từ な sẽ “lỏ ná” ra khi đi cùng danh từ.



#1 [TÍNH TỪ い] + [DANH TỪ]



#2 [TÍNH TỪ な] な + [DANH TỪ]

#06 例

これは いい^{けいたいでん}携帯電話です。

Cái này là một chiếc điện thoại tốt.

#07 例

ダニエルさんの町^{まち}は 静^{しず}かなところ^{ところ}です。

Thành phố của Danieru là một nơi yên tĩnh.

B.3



例

これは 法隆寺^{ほうりゅうじ}です。法隆寺^{ほうりゅうじ}は 古^{ふる}いお寺^{てら}です。

Đây là chùa Horyu. Chùa horyu là một ngôi chùa cổ.



P に N が あります



#1 [NƠI]に [DANH TỪ]が あります。

▶ Ý NGHĨA	Ở P có N
	Diễn tả một thứ gì đó đặc biệt (thường là công trình kiến trúc, danh lam thắng cảnh) ở một nơi nào đó.

B.5	例	A: B さんの ^{まち} 町に ^{なに} 何がありますか。 Ở TP của B có cái gì?
		B: ^{しろ} お城があります。Có lâu đài.
		A: ^{しろ} どんなお城ですか。 Nó là một toà lâu đài như thế nào?
		B: ^{おお} 大きい ^{しろ} お城です。Là một toà lâu đài to.



どう và どんな



どう là nghi vấn từ, mang nghĩa: như thế nào.

Câu hỏi chứa どう là câu hỏi mở, câu trả lời cần một tính từ thay thế.

#08 例

この本は どうですか。

(Cậu thấy) quyển sách này thì như thế nào?

その本は ^{あた}新しいです。

Quyển sách đó thì mới.

どんな cũng mang nghĩa như thế nào, nhưng どんな đi cùng danh từ để hỏi về tính chất của danh từ đó (danh từ màu mè), nên câu trả lời củaどんな sẽ cần có dạng bổ ngữ A+N.

#10 例

ホーチミン市は どんなところですか。

TPHCM là một nơi như thế nào.

にぎやかなところですよ。

Là một nơi nhộn nhịp.

#16 例

「Để mên phiêu lưu ký」は どんな ^{ほん}本ですか。

Để mên phiêu lưu kí là một quyển sách như thế nào.

おもしろい本です。

Một quyển sách thú vị (おもしろい được giới thiệu ở chap 5).

B.4

例

A: Bさんの^{まち}町は どんなところですか。

Thành phố của B là một nơi **như thế nào?**

にぎやかなところですよ。

B: Là một nơi náo nhiệt.



そして が



S は [MỆNH ĐỀ]. **そして**, [MỆNH ĐỀ].



S は [MỆNH ĐỀ], **が** [MỆNH ĐỀ].

が (đọc là gà chứ không nhấn gá như trợ từ) và そして là những từ được xem như liên từ.



・ **そして**: đứng sau dấu chấm, mở ra câu mới. Nội dung 2 về “cùng chiều”, khen cùng khen, chê cùng chê (ý tăng tiến).

・ **が**: đứng sau dấu phẩy. Nội dung 2 về “khác chiều”, có khen có chê để “gỡ gạc” (ý nhượng bộ).

Câu của が và そして chỉ đề cập chủ từ 1 lần.

#16 例

KSビルは^{たか}高いです。そして^{あたら}新しいです。
Toà nhà KS thì cao. Hơn thế nữa còn mới.

#18 例

私の国は^{くに} ^{ちい}小さいですが、人^{おお}が多いです。
Đất nước của tôi thì nhỏ nhưng mà đông người.

CÔNG
HƯNG

HOÀNG
DŨNG

THANH
ĐẢM

THANH
HIỆP

CAO
DUY

HỮU
ĐỨC

TUẤN
KIỆT

QUỐC
CÔNG

LÂM
HƯNG

ANH
TUẤN

HỮU
THÀNH

MINH
TRUNG

QUỐC
VƯƠNG

facebook.com/hackuan



Chú ý, vì mẫu câu này xét đến nghĩa của 2 vế, nên hãy chú ý đến những hình thức phủ định của tính từ, sẽ làm thay đổi ý nghĩa của câu.

#20 例

このパソコンはきれいじゃありません
/、が・。そして / よくないです。

Máy tính này không đẹp. Máy tính này không tốt.

Như vậy chúng ta sẽ chọn そして

CÔNG
HƯNG

HOÀNG
DŨNG

THANH
ĐẢM

THANH
HIỆP

CAO
DUY

HỮU
ĐỨC

TUẤN
KIỆT

QUỐC
CÔNG

LÂM
HƯNG

ANH
TUẤN

HỮU
THÀNH

MINH
TRUNG

QUỐC
VƯƠNG